

“TỰ TÌNH KHÚC”- “KHỐC NGƯỜI HAY TA”

Đọc trường ca “*Tự tình khúc*” của Francis Assisi Lê Đình Bảng

Bùi Công Thuấn

<https://buicongthuan.com/tu-tinh-khuc-truong-ca-cua-le-dinh-bang/>

Văn bản thơ (tôi đánh số khổ thơ để dễ tham khảo)

Mời bạn cùng đọc:

Trường ca TỰ TÌNH KHÚC

Francis Assisi Lê Đình Bảng



1.Con vào nhà Đức Chúa Trời
Nhớ, quên. Còn, mất. Đã rơi rụng nhiều
Xét mình, còn chẳng bao nhiêu
Để làm lưng vốn mang theo, sống đời

2.Con vào nhà Đức Chúa Trời
Từ khi tấm bé, cái thời còn thơ

Quần quanh, nhà xứ, nhà thờ
Bữa thường khoai sắn, muối dưa lần hồi

3.Con vào nhà Đức Chúa Trời
Học ăn, học nói những lời khôn ngoan
Học trong sách thánh, Ê van
Nhờ ơn Đức Chúa Thánh Thần sáng soi

4.Con vào nhà Đức Chúa Trời
Kẻo sa cám dỗ, thói đời, thế gian
Nửa đường, vướng víu dây oan
Khi không, đứt gánh, bỏ ngang ra về

5.Người thương, bảo nó dinh tề
Ghét thì kết tội bùa mê E và
Tiếng lành, tiếng dữ đồn xa
Có căn, mới được xuất gia, tu trì

6.Dốc lòng, hỷ xả, từ bi
Nửa mai, chúa mở khoa thi, cũng là
Lễ gần, thôi lại lễ xa
Bổ công đèn sách mẹ cha truyền đời

7.Con vào nhà Đức Chúa Trời.
Tưởng đâu, cập bến, tới nơi, tới bờ
Tiếng gà xao xác ban trưa
Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu

8.(Gặp người, sao chẳng cau trầu
Ngắt bông điên điển, mời câu ân tình

Các thầy đọc tiếng La Tinh
Các cô con gái thưa kinh dịu dàng)

9.Thế là, mọi chuyện... tan hoang
Mới hay, địa ngục, thiên đàng còn xa
Thế là vỡ mộng làm cha
Chẳng qua, một giấc mơ hoa rã rời

10.Đông, Tây còn lại mấy người
Ra sông, ra biển, đi đời nhà ma
Bây giờ, mới vỡ lẽ ra
Ăn chay, nằm đất, mới là chân tu

11.Thôi về, đọc lại thiên thư
Gẫm trong truyện A lê xù văn ca
Rằng, xưa ở xứ Roma
Có chàng trai trẻ tu nhà, ai ơi

12.Thì thôi, làm gã bố đời
Liều thân vào chốn tanh hôi mùi tiền
Chẳng làm ông bột, bà tiên
Cũng là vạ sự tuý duyên đất trời

13.Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt vơi, hạt đầy

Của riêng, xin để dành, ngày cánh chung
Hạt nào, chim chóc, khe truông

Xanh um bờ bãi, cỏ lũng sinh sôi

14.Nhiều khi, tôi trách thân tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn

Hạt nào ra nhánh trăm muôn
Đồng chiêm, đồng ruộng, chờ xuân xao mùa
Hạt nào theo gió xa đưa
Trôi đi tít tắp, chiều mưa, trắng đồng

15.Hạt nào bay giữa thình không
Tôi nghe sóng ở đáy sông cồn cào
Từ em bắn bật non cao
Giấm chua, mật đắng vun vào hồn tôi
Hạt nào theo gió ra khơi
Tóc tơ, sao vội rẽ đôi phận người

16.Nhiều khi, tôi dỗ yên tôi
Treo gương, rửa kiếm, một đời lặng câm

Hạt mừng, rơi xuống trăm năm
Hạt vui, nhưng nhớ mãi thăm gọi em
Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên
Một bên ý Chúa. Một bên tình người

17.Nhiều khi, tôi muốn buông xuôi
Hai vai gánh nặng, phương trời dăm dăm
Đêm đêm, từng giọt dương cầm
(Cung thương, tiếng mẹ. Cung trầm, tiếng cha)
Hạt ngoài, nghe thấu xương da
Hạt trong, nuốt lệ, đã nhòa nhạt thôi

18.Nhiều khi, tôi chẳng tin tôi
Thoắt trông vời vợi, người ơi, chốn nào
Hạt người, xa vắng, âm hao
Hạt ta, chìm nổi, ba đào, phù du
Hạt người, trong cõi thiên thu
Hạt ta, tro trấu tuyết mù, dậm khơi

19.Chỉ còn mình Chúa, Chúa ôi
Để nghe thấu suốt từng lời trần gian:
"Cho tôi sinh lại một lần
Dẫu rằng mật đắng, dẫu rằng hoa thơm"
Cầm bằng, rách áo, đói cơm
Chẳng qua, vẫn chuyện Thăng Bờm, năm xôi
20.Chấp tay, lạy bốn phương trời
Vì cây, dây quẩn? Khóc người hay ta
Hạt về, bụi bặm, sương sa
Hạt đi, tan tác, lá hoa, vô thường
Trách mình, còn lắm tơ vương
Mai kia, một nọ, hình sương, bóng tà

21.Một mình ta, với riêng ta
Hát ngao dăm khúc tỳ bà hành thôi
Hỏi vàng trắng khuyết nghiêng soi
Nửa bên hương án, nửa nơi trai phòng
Hạt nào, nước lũ ra sông
Thương ai, ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu

22. Biển Hồ trắng xoá mưa ngâu
Emmaus chiều muộn, tìm nhau, phương nào
Trời làm một cuộc bể dâu
Mới hay, gỗ đá, vàng thau bời bời
Giữa mùa ôn dịch, chia phôi
Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai

23. Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, ăn năn
Xót xa, như để khóc thân phận mình
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Khăng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!



Tôi đã đọc đi đọc lại bài thơ, để lắng nghe lòng mình, để những âm hưởng thơ dội vào tâm hồn tôi những cảm xúc thẩm mỹ mà chỉ thơ hay mới có sức lay động. Trường ca *Tự Tình Khúc* mở ra trong tôi nhiều tầng ý nghĩa *tư tưởng* và không gian văn hóa rộng lớn nhiều vỉa tầng. Câu chuyện "*cuộc bể dâu*" mà tác giả kể làm dậy lên trong tôi những lớp sóng ngầm của kiếp hiện sinh. Những yếu tố ấy của *Tự Tình Khúc* là dấu chỉ của một bài thơ hay và đậm phong cách thơ Lê Đình Bảng.

“*Tự tình*” là câu chuyện lòng mình. *Thơ “Tự tình”* cũng là thể loại đã có trong văn học Việt. “*Tự tình khúc*” là khúc ca tự tình, tác giả kể chuyện riêng của mình, để suy gẫm, để cầu nguyện và để chia sẻ. Lê Đình Bảng viết “*Tự Tình Khúc*” bằng thể Lục bát ca dao quen thuộc, dễ tiếp nhận, bởi ca dao là câu hát dân gian người Việt được nghe từ thuở trong nôi. Vậy mà, đọc “*Tự Tình Khúc*”, tôi không sao định vị được kiểu loại bài thơ. “*Tự Tình Khúc*” là thơ tình yêu, thơ sám hối-cầu nguyện, hay là thơ “*khóc thân phận mình*”, kiểu *thơ tư tưởng* tra vấn hiện sinh?

*Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, ăn năn
Xót xa, như để **khóc thân phận mình**
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Khăng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*

Thực ra, trong *Tình Tự Khúc*, cả ba thể loại *Tự sự*, *Trữ tình* và *Suy tưởng* là một (như thể ánh sáng, nhiệt lượng và sự sống là một từ mặt trời), chuyển hóa, biến hóa trong cấu trúc *thơ tư tưởng*. Đây là chỗ độc đáo của tư duy thơ Lê Đình Bảng.

Xin điểm lại lịch sử thơ Việt, Nguyễn Bính thường kể (*tự sự*) những câu chuyện tình bằng Lục bát dân dã (*Tương tư, Lỡ bước sang ngang, Người hàng xóm...*). Thơ tình Xuân Diệu là tiếng lòng thi nhân (thơ trữ tình: *Tương tư chiều, Khi chiều giăng lưới, Vội vàng...*). Chế Lan Viên tra hỏi triết lý về những vấn đề của nhân sinh (*Cái sọ người, Làm Hăm-lét ở Việt Nam, Bánh vẽ...*). Lê Đình Bảng tạo ra thế giới nghệ thuật riêng bằng sự tổng hợp cả ba kiểu tư duy nghệ thuật của các nhà thơ đi trước, đồng thời làm phong phú thêm lịch sử thi ca Việt bằng “*thi pháp*” riêng của mình.

Mở đầu bài thơ, ở thời điểm hiện tại, tác giả “*xét mình*” (chữ của nhà đạo), tức là nghĩ suy, đánh giá lại đời mình, về quãng đời “*vào nhà Chúa*”, xem còn mất thế nào, để làm vốn liếng cho hành trình sống đời. Những suy tư này giúp người đọc nhận diện *Tự Tình Khúc* là kiểu *thơ suy tưởng*. “*Suy tưởng*” là suy tư tra vấn tư tưởng, là sống lại lần thứ hai và hình dung ra, tái hiện lại, dàn dựng lại cuộn phim của quá khứ hay vẽ ra viễn ảnh tương lai, để tìm kiếm những ý nghĩa chân lý cho mình. Đặt mình trong hành trình suy tưởng ấy, tác giả nhận

ra vốn liếng đời tu (tu đức, triết học, thần học, nề nếp sinh hoạt...) chẳng còn bao nhiêu.

*Con vào nhà Đức Chúa Trời
Nhớ, quên. Còn, mất. Đã rơi rụng nhiều
Xét mình, còn chẳng bao nhiêu
Để làm lưng vốn mang theo, sống đời*

Xin lưu ý, chữ “vào nhà Đức Chúa Trời” có nghĩa thánh thiêng hơn chữ “đi tu” làm Linh mục. Đó là dụng ý tư tưởng, nhưng cũng là ngôn ngữ dân gian nhà đạo, một tín hiệu về đặc điểm ngôn ngữ thơ Lê Đình Bảng.

Sau đó tác giả kể lại (tự sự) hành trình chuyên chăm tu học của mình. Ngay từ bé, cậu tu sinh ấy chỉ biết rèn mình trong môi trường nhà Chúa: “*Quần quanh, nhà xứ, nhà thờ/ Bữa thường khoai sắn, muối dưa lẫn hời*”. Mục đích “vào nhà Chúa” là để học “những lời khôn ngoan” trong sách thánh (Evang), để “*Kéo sa cám dỗ, thói đời, thế gian*”(người đi tu phải chống lại “*ba thù*” là thế gian, ma quỷ, xác thịt).

Trong nhà Chúa, mọi sự đều rất tốt đẹp, thánh thiện: “*Các thầy đọc tiếng La Tinh/ Các cô con gái thưa kinh dịu dàng*”. Môi trường thánh thiện ấy là động lực cho cậu (tác giả) tu tập: “*Dốc lòng, hỷ xả, từ bi/ Nửa mai, chúa mở khoa thi, cũng là / Lễ gần, thôi lại lễ xa/ Bỏ công đèn sách mẹ cha truyền đời*”. Câu thơ chứa đựng nhiều kiểu ngôn ngữ khác nhau: cách nói dân dã của Ca dao, giác niệm của Nhà Phật và vốn từ nhà đạo mới mẻ. Một sự tổng hợp rất tự nhiên nhiều kiểu tư duy ngôn ngữ của thi pháp Lê Đình Bảng, giống như sự tổng hợp và Việt hóa tư tưởng Phật, Nho, Lão trong “*Tam giáo đồng nguyên*” của người Việt. Đó là bản lĩnh Việt.

Những tưởng theo Chúa là con đường tiến thẳng lên bàn thánh. Nhưng rồi cậu tu sinh “*vỡ mộng làm cha*”.

*Tưởng đâu, cập bến, tới nơi, tới bờ
Tiếng gà xao xác ban trưa
Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu*

Lê Đình Bảng dùng hình ảnh ca dao trong phép so sánh ví von: “*Tiếng gà xao xác ban trưa/ Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu*”. Chuyện tu trì chỉ còn là “*ầu ơ... ví dầu*” (cách nói dân gian, mượn tiếng ru, để chỉ những chuyện thoáng qua). Nhưng trong khổ thơ này, tiếng gà xao xác và tiếng ru buồn “*ầu ơ... ví dầu*”, vừa

tạo nên không gian thôn dã, vừa hiển lộ một tâm hồn rữ buồn chất chứa những nỗi niềm thầm kín. Ca dao có lời than thở: *"Gió đưa cây cải về trời/ Rau răm ở lại chịu lời đắng cay"*. Cái đọng lại của khổ thơ là những *"lời đắng cay"* không thể nói ra.

*Nửa đường, vướng víu dây oan
Khi không, đứt gánh, bỏ ngang ra về*

Nỗi buồn thầm kín ấy là việc tác giả bỏ tu. Lý do *"bỏ ngang ra về"*, là vì: *"Nửa*

đường vướng víu dây oan". Chuyện tình cò: *"Khi không, đứt gánh..."*. Mạch thơ thấp thoáng câu thơ Kiều (*Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du) về sự gầy đổ bất ngờ cuộc tình Kiều với Kim Trọng. *"Vướng víu dây oan"* là dính mắc (chữ nhà Phật) chuyện tình yêu, là sợi dây oan nghiệt. Nguyễn Du viết: *"Tu là cội phúc, tình là dây oan"* (*Đoạn trường tân thanh*, câu 2658). Nhưng *"khi không"* chuyện xảy ra, tức là việc xảy ra không ngờ, ngoài ý muốn.

Đúng là, vì chuyện tình mà bỏ Chứa thì người tu xuất không bao giờ tìm được bình an. Nó trở thành một mặc cảm khắc rất sâu trong tim khi đối diện với Chúa, một "tội" rất lớn vì phụ công phụ công cha mẹ và phụ lòng cộng đoàn giáo dân đã cầu nguyện cho mình. Bởi đó là hủy bỏ "giao ước" với "Đấng tối cao", một việc cao trọng bậc nhất trong đời sống đức tin. Với giáo dân Việt, đó là điều không thể chấp nhận. Người vào *nhà Chúa*, đã là người của Chúa. Người đời không được quyền giành giật với Chúa (trừ khi là ma quỷ).

Nhưng phẩm tính nhân bản của con người là "yêu người". Và tình yêu nam nữ là một bản năng sinh tồn rất quan trọng. Bản năng này là tạo hóa đặt để. Tức là, đến tuổi nào đó, con người có nhu cầu và khát vọng yêu, để nhân loại được tiếp nối, sinh tồn. Xin lưu ý, Kinh thánh dạy, mọi điều Thiên Chúa tạo dựng đều tốt đẹp (St 1, 31). Cho nên người thơ nếu có *"vướng víu dây oan"* cũng là thường tình. Gọi tình yêu nam nữ là *"dây oan"* là góc nhìn của Thiên gia, không phải thánh ý của Thiên Chúa. Vì thế việc bỏ tu để trở về sống đời thường là sự chọn lựa khôn ngoan nếu điều đó là ý Chúa. Linh mục hướng dẫn sẽ giúp tu sinh tìm hiểu ơn gọi này. Vì ơn gọi sống đời gia đình cũng là ơn gọi rất cao trọng, ơn gọi nên thánh (xem gương Thánh Gia) giữa trần gian.

Dù vậy, việc bỏ tu không thể tránh khỏi "tiếng đời". Người ta trọng vọng "Chủng sinh" bao nhiêu thì người ta đàm tiếu dè bỉu người "tu xuất" bấy nhiêu. Dân gian còn cho rằng những người xuất tu tất cả đều có số phận chẳng ra gì. Vì họ ăn cơm nhà Chúa mà bỏ Chúa. Trong nhà Chúa, người ta gọi Chủng sinh là

“thầy”, giờ họ gọi người tu xuất là “nó”, và ném đá vào “nó”. Xuất tu vì “bùa mê E và” (sự cám dỗ của trần gian) thật khó có thể biện minh..

*Người thương, bảo nó dinh tê
Ghét thì kết tội bùa mê E và
Tiếng lành, tiếng dữ đồn xa
Có căn, mới được xuất gia, tu trì...*

*Thế là, mọi chuyện... tan hoang
Mới hay, địa ngục, thiên đàng còn xa*

Người tu xuất không phải là bị tất cả mọi người ghét. Vẫn có người cảm thông: “Người thương, bảo nó dinh tê”. Ngày nay hai chữ “dinh tê” đã không còn trong từ vựng tiếng Việt. Đó là chữ thời chống Pháp (1945-1954). “Dinh tê” (từ chữ Pháp “rentrer” – trở về) chỉ hành động rời bỏ chiến khu, trở về sống ở các đô thị hoặc vùng do Pháp chiếm đóng. “Dinh tê” bị phê phán là phản bội kháng chiến [[1]]. Haiza! Việc bỏ tu về nhà mà cũng đánh như “dinh tê” vậy sao!

Nhưng “chuyện tình” của người thơ đã xảy ra thế nào? Tác giả chỉ kể lướt qua:

*Gặp người, sao chẳng cau trầu
Ngắt bông điên điển, mời câu ân tình*

Cuộc gặp gỡ thật giản dị, chẳng cần cau trầu nghi lễ, chỉ “ngắt bông điên điển” mời nhau đã đủ làm nên ân tình. Một kiểu *tỏ tình* thật lạ, bởi chuyện tình Việt xưa nay khởi đầu bằng “mời trầu” (bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương). Tôi chưa nghe ai nói dùng bông điên điển để ngỏ lời yêu bao giờ. “Mời trầu” là đặc trưng văn hóa Bắc (“Miếng trầu là đầu câu chuyện”), còn bông điên điển là loài hoa đặc trưng vùng sông nước Nam bộ, gắn liền với món ăn canh chua cá lóc, cá linh. “Ngắt bông điên điển” để tỏ tình là một tứ thơ vừa mới lạ, vừa gợi ra sinh hoạt của dân quê Nam bộ mùa nước nổi. “Chuyện tình” “bông điên điển” đậm đặc hương vị quê hương. Xin lưu ý, tình yêu nam nữ trong thơ ca Việt luôn khởi phát và thủy chung với đời sống và cảnh sắc quê hương (xin đọc ca dao: *Hôm qua tát nước đầu đình...*). Lê Đình Bảng đã đặt tình yêu lứa đôi của mình vào giữa truyền thống rất đẹp ấy.

Người thơ không kể tiếp “chuyện tình” ấy diễn ra thế nào trong đời thực, mà chỉ gợi ra cái vẻ đẹp của tình quê dân dã. Vâng, đó là chỗ tuyệt bút của nghệ thuật lãng mạn: sự việc được nhìn qua lăng kính của “Cái đẹp”, dù đó là điều bi đát. Nhờ thế, “tình yêu” trong thơ Lê Đình Bảng không có cái “mùi vị da thịt”

của thơ tình Xuân Diệu, không là tiếng kêu thống thiết “*Mật đắng, máu cuồng và hồn điên*” của thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng độ sâu đậm làm nghiêng ngả thời gian không gian.

*Một mình ta, với riêng ta
Hát ngao dăm khúc tỳ bà hành thôi
Hỏi vầng trăng khuyết **nghiêng** soi
Nửa bên hương án, nửa nơi trai phòng
Hạt nào, nước lã ra sông
Thương ai, ngọc vỡ **giữa dòng, chìm châu***

Lê Đình Bảng tổng hợp tư tưởng, thi pháp và cảm xúc của ba nguồn *thi ca-tư tưởng* đồ sộ để diễn đạt mối tình sâu nặng của mình.

Đó là câu chuyện thương cảm của người kỹ nữ trong *Tỳ Bà Hành* [[2]] cùng với nỗi lòng kẻ lưu đầy Bạch Cư dị, là tâm trạng chờ mong vô vọng của nàng Kiều sau khi chia tay Thúc Sinh (Truyện Kiều): “*Vầng trăng ai xẻ làm đôi,/ Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường*”[[3]]. Và thân phận “*bèo dạt*” người phụ nữ trong Ca dao: “*Thân em là hạt mưa sa/ Hạt vào đài các hạt ra cánh đồng*”. Lê Đình Bảng khám phá, sáng tạo thêm một tứ thơ rất mới: “*Hạt nào, nước lã ra sông*”.

“*Nước lã*” là thứ vô giá trị (thí dụ, tục ngữ: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*”). Một hạt mưa rơi xuống sông thành nước lã, tan biến không để lại dấu vết trong dòng trôi vô vọng. Đó là thân phận phụ nữ. Nhưng mà “*người yêu*” của nhà thơ là “*ngọc*”, một viên ngọc bị vỡ tan, chìm sâu trong dòng đời. Đáng thương biết bao nhiêu, tình yêu kết tụ thành “*khối tình Trương Chi*” (Chuyện tình Trương Chi-Mị Nương [[4]]).

Quả thực, đọc thơ Lê Đình Bảng không dễ chút nào nếu không hiểu đến ngọn ngành văn hóa Việt, không có lưng vốn *tư tưởng, thi pháp* thơ phương Đông và không “*trải qua một cuộc bể dâu*” “*chìm nổi, ba đào, phù du*”. Nhưng hạnh phúc của người đọc lại là khám phá ra quá trình sáng tạo của nhà thơ và tìm ra được những nguồn mạch sáng tạo mới mẻ như thế. Hơn nữa, phải nhận dạng cho được phẩm chất thi nhân của Lê Đình Bảng. Phẩm chất ấy thể hiện ở năng lực sáng tạo một thể giới nghệ thuật riêng vừa truyền thống vừa dân dã, lại vừa đậm đặc cá tính.

“*Tự Tình Khúc*” là chuyện của một người xuất tu. Cuộc trở về trần gian của nhà thơ như cuộc trở về của Từ Thức xưa. Đành vậy. “*Thì thôi, làm gã bố đời/ Liều thân vào chốn tanh hôi mùi tiền*”. Ba chữ “*thì thôi*”, “*liều thân*” và “*gã bố đời*” cực

tả sự bế tắc, vô vọng, buông xuôi và thái độ bức bối (có cả chửi đời: *mả bố đời*) của người thơ khi trở về đời trần tục kiếm sống, phải lặn mình vào “*chốn tanh hôi mùi tiền*”.

Nhưng điều ấy không là “bi kịch” của con người, bởi kiếm sống không bao giờ là dễ dàng. Nó là lời nguyên của Thiên Chúa đối với con người tội lỗi: “*người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra..*”(St 3, 17).. “Bi kịch” của nhà thơ là những dằn vặt cân não, những bi phần dữ dội trong cuộc đấu tranh tư tưởng giữa việc chọn Chúa (đời tu) làm lý tưởng, và một bên là bị hành hạ bởi “*bùa mê E và*”.

Lê Đình Bảng đã miêu tả rất cụ thể những cơn vật vã hiện sinh dữ dội ấy:

Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi

Bát cơm nhà Chúa, hạt vơi, hạt đầy

Nhiều khi, tôi trách thân tôi

Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn

Nhiều khi, tôi dỗ yên tôi

Treo gương, rửa kiếm, một đời lặng câm

Nhiều khi, tôi muốn buông xuôi

Hai vai gánh nặng, phương trời dăm dăm

Nhiều khi, tôi chẳng tin tôi

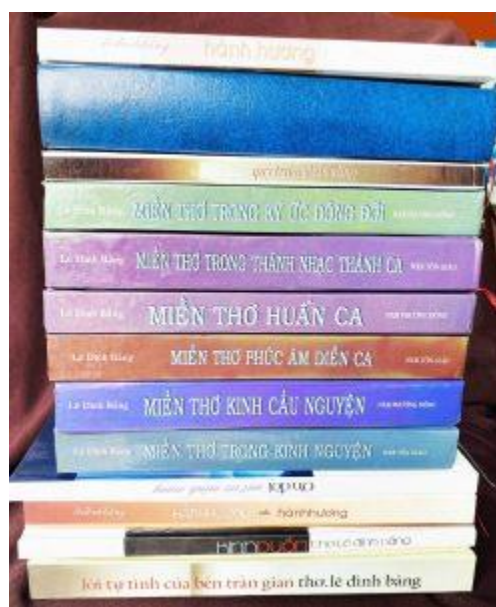
Thoắt trông vời vời, người ơi, chốn nào

Một mình ta, với riêng ta

Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn

Cấu tứ trùng điệp, liệt kê, kết hợp với điệp từ, phơi bày ra *cơ đau bể* nội tâm, làm hiện lên cuộc *trầm luân hiện sinh* của người thơ. Những cơn sóng tư tưởng vùi dập (mỗi khổ thơ là một đợt sóng), làm kiệt quệ linh hồn. Thời gian và không gian miên viễn, quá sức chịu đựng. Bởi Con người là một sinh mệnh cô độc. “*Một mình ta, với riêng ta*”, không người chia sẻ. Người thơ phải kêu lên: “*Gánh sầu trĩu xuống hai vai,/ **Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn***”. Phép đảo “*Gánh sầu trĩu nặng*” lên trước tiếng kêu “Chúa ôi” góp thêm sức nặng cho sự yếu đuối của người thơ.

“*Gánh sầu trĩu nặng*” ấy là gì mà đem đến “*bi kịch đau đớn*” cho nhà thơ? Điều gì là “*Giấm chua, mật đắng vun vào hồn tôi*”? Để, đến nỗi “*tôi trách thân tôi*”... “*tôi muốn buông xuôi,... tôi chẳng tin tôi*”, tôi “*Chấp tay, lạy bốn phương trời/ Vì cây, dây quấn? Khóc người hay ta*”. Sau cùng, tất cả là nước mắt ăn năn: “*Hạt nào, nước mắt, ăn năn/ Xót xa, như để **khóc thân phận mình***”. Vâng, người tự khóc thương thân, người ý thức sâu sắc về hiện sinh của chính mình trong cõi đời vô thường này (tôi mượn chữ nhà Phật). Phải tủi thân lắm, phải đơn độc lắm, phải uống *mật đắng giấm chua* (như Chúa Giê su trên thánh giá – Ga 19:29; Lc 23:36 – Tv 69: 22)[[5]], phải trầm luân dưới đáy sông, phải *rách áo đói cơm*, tan tác như hoa bên đường... Con Người mới khóc thương thân phận mình như thế.



(Tác phẩm của Lê Đình Bảng)

Quả là một cuộc đấu tranh tư tưởng mệt nhoài, trái tim bị thiêu đốt như ở trong địa ngục (*"Mối hay, địa ngục, thiên đàng còn xa"*), không sao thoát ra khỏi những *"dính mắc"* (chữ của nhà Phật), những dây trói (*"Nghịch"*, một ý niệm cốt lõi của nhà Phật), những *"khổ ải"* quanh phận người. *"Vì cây, dây quăn? Khóc người hay ta"*, chỉ còn là nước mắt.

Đó là mâu thuẫn bi kịch. Một bên là tiếng gọi của Chúa, là ơn Chúa, là *"mắc nợ"* nhà chúa, một bên là tình yêu, và người yêu. Tưởng rằng là *"duyên"*, *"Cũng là vạn sự tùy duyên đất trời"* (chữ của nhà Phật), nhưng cũng đã *"vô duyên"*, vì người yêu đã không còn nữa.

Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên
Một bên ý Chúa. Một bên tình người...

...Trời làm một cuộc bể dâu
Mối hay, gỗ đá, vàng thau bời bời
Giữa mùa ôn dịch, chia phôi
Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai

"Bi kịch" này được nhà thơ miêu tả hiện sinh, vật vã khôn nguôi. Con người phải tự mình mang lấy *"Gánh sầu trĩu xuống"* phận mình (như tự mang lấy thập giá), may ra chỉ kêu lên được một tiếng **"Chúa ôi!"** gần như tuyệt vọng (Phêrô ngày xưa khi bị chìm xuống nước còn kêu được tiếng: **"Thầy ơi cứu con!"** - Mt 14, 30).

Nói như thế để thấy tài thơ của Lê Đình Bảng khi miêu tả "bi kịch" của *Con người* (đặc biệt là người xuất tu). Đó là "bi kịch" *Con người* phải chọn lựa giữa Đức tin và đời sống, giữa lý trí khoa học và mặc khải, giữa thân phận bé nhỏ của loài thụ tạo với Thiên Chúa kỳ vĩ vô cùng, vô tận trong không gian, thời gian. Đây cũng là vấn đề Giáo hội phải đối mặt trong suốt trường kỳ lịch sử. Từ thời Đức Giêsu còn tại thế, Tôma và Phao Lô đã là những chứng nhân lẫm liệt tuyên xưng đức tin. Và, ngàn năm sau, hàng trăm ngàn giáo dân Việt đã đổ máu mình ra để khẳng định Ơn Cứu rỗi của Thiên Chúa qua Đức Giê-su. *"Tự Tình Khúc"* đã miêu tả tài năng cái "bi kịch" ấy. Xin hãy suy tư về bi kịch: *"Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên/ Một bên ý Chúa. Một bên tình người..."*

Nói đến “tài năng thi ca” của Lê Đình Bảng là nói đến tài kiến tạo, sáng tạo thơ phong phú, hồn thơ khoáng đạt, thơ kết tụ đa tầng văn hóa; cũng là tài sử dụng ngôn ngữ, và kiểu tư duy thơ rất riêng. Lê Đình Bảng khai mở một con đường chưa ai đi.

Thơ Lê Đình Bảng, trong từng câu chữ rất dân dã, có một sự biến hóa đầy trí tuệ, đầy chất thơ và chất nặng tư tưởng. Sự chuyển hóa Mỹ học rất tinh diệu giữa Ca dao dân ca, Kinh thánh và Thiên; có sự tổng hợp “Cái Đẹp” (Thi pháp) giữa chất trí tuệ của thơ cổ điển với cái mộc mạc chân chất của ca dao và thế giới thần học cao rộng, thánh thiêng của Kinh thánh. Chính sự kết tinh này tạo nên phong cách thơ Lê Đình Bảng mà trước và sau ông chưa có nhà thơ Công giáo nào kế tục được.

Thí dụ.

*Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi
Bát cơm nhà Chúa, **hạt voi, hạt đầy***

“Bát cơm, hạt cơm” trong câu thơ trên, nghĩa tường minh, là cơm trong nhà tu. Nghĩa tường minh này đã thấp thoáng ca dao: “Ai ơi *bưng **bát cơm** đầy/ Dẻo thơm **một hạt** đắng cay muôn phần*”. Câu thơ hàm ý món nợ vật chất của nhà thơ với nhà Chúa.

“Hạt cơm” ấy chuyển hóa thành “*hạt giống*” trong dụ ngôn *Người gieo giống* (Lc 8, 4-15). Từ đó nhà thơ nói về sự chuyển hóa Lời Chúa trong tâm hồn mình (Khổ thơ 13, 14). Rồi sự biến hóa Mỹ học diễn ra tự nhiên và nhanh đến nỗi người đọc không kịp nhận ra, đó là: “*Hạt mừng, hạt vui*” (khổ 16) diễn tả những nỗi niềm, “*Hạt ngoài, hạt trong*” (khổ 17) là hạt nước mắt thương thân, “*Hạt người, hạt ta*” (khổ 18) là hạt tư tưởng, “*Hạt về, hạt đi*” (khổ 20) là sự chia lìa nhà thơ và người yêu, “*Hạt nào, nước lã...*” (khổ 21); “*Hạt nào, nước mắt*” (khổ 23)...là vô tận đau khổ của thân phận con người...Từ hạt cơm cụ thể, nhỏ bé ấy, thơ chuyển hóa thành phận người “*trong cõi thiên thu*”, vừa diễn đạt ý niệm Kinh thánh con người là tro bụi (tác giả dùng từ “*tro trấu*” để Việt hóa Kinh thánh), vừa nói cái “*Vô thường*” trong không gian, thời gian vô tận (Phật giáo) của kiếp người.

*Hạt người, trong cõi thiên thu
Hạt ta, tro trấu tuyết mù, dậm khơi*

Cho nên, trong *Tự Tình Khúc*, tác giả không nói ý thức về “tội lỗi” như trong Thần học Kitô giáo, mà trình bày “Cái bi kịch” tư tưởng mà con người không sao thoát ra được. Đời thì rất thực, còn Chúa thì..., người thơ chỉ kêu được một tiếng “Chúa ôi”.

*Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, ăn năn
Xót xa, như để **khóc thân phận mình**
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Khấn xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*

Điều ấy có nghĩa là, Lạy Chúa, Thánh giá Chúa trao, “gánh sầu trĩu xuống” ấy, thì con xin vác lấy. Chỉ xin “Chúa đoái thương tình”.

Thật lạ! Thông thường, người ta viết xin “Chúa đoái thương”, hoặc “xin Chúa thương tình”, tại sao Lê Đình Bảng lại viết “Chúa đoái thương tình”, mà không cầu xin tha thứ tội “bỏ ngang ra về” giữa đường tu? Có lẽ cầu xin Chúa thương cho tình yêu của người thơ mãi trầm luân dưới đáy sông?: “Thương ai, ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu”/ “Tôi nghe sóng ở đáy sông cồn cào”.

Thí dụ.

Trong khi suy tưởng, Lê Đình Bảng sử dụng tư duy chính luận (lập luận, lý giải, để tìm ra chân lý của vấn đề). Bỏ nhà Chúa vì tội bùa mê E và, trở về sống đời trần gian, “Liều thân vào chốn tanh hôi mùi tiền”, đâu là đúng, đâu là sai? Thôi thì dân gian giải thích rằng: Chúa không chọn: “Có căn, mới được xuất gia, tu trì”. Đi tu cũng là tùy duyên. “Cũng là vạn sự tùy duyên đất trời”. Thông thường, trong một bài thơ, nếu tư duy và ngôn ngữ chính luận là chính, thì chất chính luận sẽ lấn át hình tượng-thăm mỹ..., nhưng trái lại, Lê Đình Bảng lại dẫn người đọc đi qua nhiều cánh đồng thăm mỹ mà màu sắc nghệ thuật hết sức đa dạng.

*Nhiều khi, tôi trách thân tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn*

*Hạt nào ra nhánh trăm muôn
Đồng chiêm, đồng trũng, chờ xôn xao mùa
Hạt nào theo gió xa đưa
Trôi đi tít tắp, chiều mưa, trắng đồng*

Đó là một cánh đồng hoa lộng lẫy màu sắc thắm mỹ.

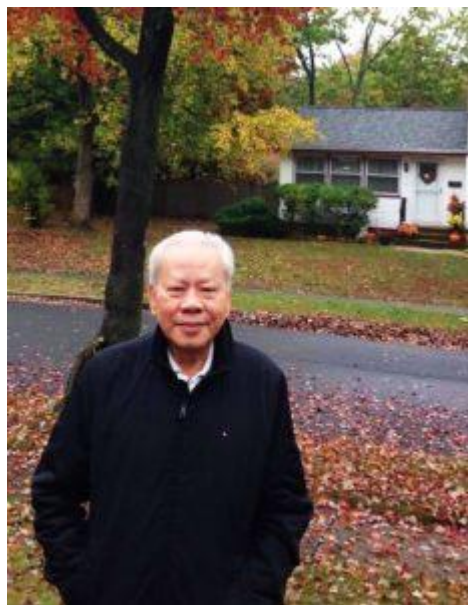
Có một sự chuyển hóa diệu kỳ trong tư duy nghệ thuật. Từ “*Bát cơm nhà Chúa*”, với những hạt cơm thật mà tác giả đã ăn, Lê Đình Bảng chuyển cảnh, vẽ ra hình ảnh trong dụ ngôn *Người gieo giống* của Kinh thánh. Những hạt giống Chúa gieo đã “*ra nhánh trăm muôn*”. Liên ngay đó là cảnh sắc đồng quê Việt Nam “*đồng chiêm, đồng trũng xôn xao*” vào mùa. Cảnh vui được mùa ấy lại chuyển ngay sang cảnh “*...tít tắp, chiều mưa, trắng đồng*” đầy ái ngại. Những chuyển hóa ấy tạo nên màu sắc tư tưởng-thấm mỹ mới lạ: “*Bát cơm, hạt rơi, hạt còn*” là cơm đời thực nhà tu. Dụ ngôn hạt giống mọc sum suê trong Kinh thánh là Thần học và văn hóa phương tây, tồn tại trong trí tưởng. “*Đồng chiêm, đồng trũng... chiều mưa, trắng đồng*” là đời sống sinh hoạt rất sống động của dân quê Việt. Những cảnh sắc ấy in dấu sâu đậm tâm hồn Việt, chất chứa vô lượng tình trời, tình quê.

Màu sắc thắm mỹ trong khổ thơ sau đây, cũng ảo diệu như vậy.

*Biển Hồ trắng xóa mưa ngâu
Emmaus chiều muôn, tìm nhau, phương nào
Trời làm một cuộc bể dâu
Mối hay, gỗ đá, vàng thau bời bời
Giữa mùa ôn dịch, chia phôi
Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai.*

Nhà thơ đem người đọc đến Biển hồ (biển hồ Galilee trong Kinh thánh) trong một chiều muôn, trắng xóa mưa ngâu. Đây là cảnh sắc phương tây, nhưng được Việt hóa bằng hình ảnh “*trắng xóa mưa ngâu*” (mưa ngâu gợi ra chuyện tình Ngưu lang Chức Nữ). Lại dẫn người đọc đi trên đường Emmaus trong chiều muôn, để “*tìm nhau*”. Câu chuyện hai tông đồ trên đường Emmaus đi tìm Chúa trong Kinh thánh (Lc 24, 13-35) trở thành ẩn dụ để nói chuyện tình yêu lạc loài. Màu sắc thắm mỹ chuyển ngay sang cảnh sắc tư tưởng phương đông: “*Trời làm một cuộc bể dâu*” (Nguyễn Du viết: “*Trải qua một cuộc bể dâu*”- Truyện Kiều). Những chìm nổi dâu bể mà người thơ gặp phải trong đời là do “*trời làm*” (Thiên mệnh, không phải Chúa!). Trở về với thực tại “*mùa ôn dịch*”, người thơ khóc thầm vì người thân yêu qua đời (“*Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai.*”). Hành trình tư duy thơ như vậy đã mở ra những chiều kích rất rộng trong không gian, thời gian, tư tưởng và thắm mỹ.

Vì thế, Thơ Lê Đình Bảng tinh khôi chất trí tuệ, dạt dào cảm xúc thi nhân, giàu tầng vỉa văn hóa, và lấp lánh nhiều sắc màu nghệ thuật nguyên sơ đời sống và tâm hồn Việt. Đó là một phong cách đẹp của thi ca Việt Nam.



(Nhà thơ Lê Đình Bảng-USA)

Trò chuyện với bạn đọc.

Bài viết này là một cuộc trò chuyện thi ca (nên tôi nói những chuyện không đầu không cuối). Thường thì, khi đọc những bài **thơ tự tình**, người đọc chú ý khám phá đời sống riêng tư của tác giả, tìm xem những yếu tố nào của đời thực tác giả ảnh hưởng tới hành trình sáng tạo của nhà thơ (phương pháp tiểu sử). Chẳng hạn, để đọc thơ Hàn Mặc Tử, bạn đọc không thể bỏ qua những chuyện tình của nhà thơ họ Hàn với Mộng cầm, Hoàng Cúc, Mai Đình, Thương Thương, Ngọc Sương, Thanh Huy, Mỹ Thiện... Và, bệnh Phong của Nguyễn Trọng Trí giúp lý giải nhiều đặc điểm thơ Hàn Mặc Tử.

Nhưng nếu đọc *Tự Tình Khúc* để tìm hiểu đời tư Lê Đình Bảng, thì bạn sẽ thất bại. Vì tuy kể lại đời thực của mình: chuyện đi tu, chuyện bỏ tu “*vì tội bùa mê E và*”, nhưng cảm hứng thơ Lê Đình Bảng là cảm hứng lãng mạn, bút pháp miêu tả của Lê Đình Bảng bay lượn tài hoa trên những vùng trời *tư tưởng-nghệ thuật* đông tây kim cổ. Lê Đình Bảng không “tả thực” chuyện đời mình, và vì thế, người đọc không nên “tin” vào những gì nhà thơ kể. Cần vượt ra ngoài rào cản hiện thực để vươn tới “*phương trời dăm dăm*”, hòa mình “*trong cõi thiên thu*” và “*thấu suốt từng lời trần gian*”, để tiếp nhận thông điệp của nhà thơ.

Điều ấy giúp ta nhận ra *Tự Tình Khúc* là *thơ tư tưởng*, không phải là thơ kể chuyện đời tư. Lê Đình Bảng miêu tả cái “*bi kịch*” của đời người. Gọi là “*bi kịch*” khi khát vọng muốn vươn tới lại bị hoàn cảnh trobng hiện thực đè bẹp. Con người lâm vào trạng thái bi phần mà không thoát ra được. Lê Đình Bảng “*vào nhà Chúa*” là để học điều khôn ngoan của Kinh thánh. Ấy là “*tìm kiếm Nước Thiên Chúa*” (Mt 6, 33). Nhưng người thơ lại “*bỏ ngang*” hành trình này, để rồi lại dính mắc vào “*bùa mê E và*”. Trở lại đời thường, “*Liều thân vào chốn tanh hôi mùi tiền*”, sống đời *rách áo, đói cơm*, ngu ngơ như thằng Bờm. Tự an ủi rằng mình tu tại gia như Alêxù ngày xưa. Nhưng rồi tình yêu cũng “*ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu*”.

Cả hai “*khát vọng*” của đời người này đều bị hoàn cảnh đè bẹp. Cả hai nỗi bi phần này cháy khôn nguôi ngọn lửa thiêu đốt tâm can. Người thơ soi vào mình, đối diện với thân phận cô đơn, *Một mình ta, với riêng ta*, tự mình phải gánh lấy “*Gánh sầu trĩu xuống hai vai*”. May mà còn chút lòng tin, nhà thơ kêu lên: “*Chỉ còn mình Chúa, Chúa ôi*”, và thái độ chân thành: “*Cúi đầu, niệm một lời kinh/ Khăng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”. Diễn ngôn ấy đem đến cho bạn đọc điều gì trong đời sống đức tin?

Xin lưu ý, mở đầu và kết thúc trường ca *Tự Tình Khúc*, Lê Đình Bảng vẫn bám lấy Chúa, “*Cúi đầu, niệm một lời kinh/ Khăng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”. Nghĩa là, đức tin vào Thiên Chúa, lời “*giao ước*” với Chúa và cả cuộc đời trần thế này cậy trông vào Chúa. Đó là tư tưởng xuyên suốt bài thơ, cũng là hành trình chân lý suốt đời của tác giả. Dù hoàn cảnh có trầm luân, dù những vật vã hiện sinh có vùi dập, thì nhà thơ vẫn luôn cầu nguyện với Chúa “*Khăng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”.

Thơ Lê Đình bảng, mỗi lời thơ là một hạt châu lấp lánh sắc màu thẩm mỹ và tư tưởng. Ngôn ngữ và tư duy thơ của ông tạo nên phong cách riêng. Và ông đã định vị một đỉnh thi sơn mới của thơ ca Công giáo sau Hàn Mặc Tử. Sẽ khó có người vượt qua con đường thi ca Lê Đình Bảng, trừ khi họ khám phá được một lối đi sáng tạo khác, rộng mở hơn, mới mẻ hơn. *Tự Tình Khúc* mở ra nhiều ngã đường giúp người đọc khám phá cốt cách và giá trị thơ Lê Đình Bảng, đặc biệt là những đóng góp của thơ ông vào sự phát triển thơ ca Việt đương đại.

(Với một bài viết ngắn, tôi đã không thể nói cạn kể những độc đáo của thơ Lê Đình Bảng. Những gì đã chia sẻ chỉ là một ít gợi mở về thơ ông, biết đâu lại không có chỗ ngộ nhận!).

Tháng 1/ 2026

[1] Viên Linh: **Một thời văn học “dinh tê”**

<https://giaovn.blogspot.com/2015/06/ha-noi-va-mot-thoi-van-hoc-dinh-te-bai.html>

[2] **Tỳ Bà Hành**-Bạch Cư Dị

[thivien.net/Bach-Cur-Di/Tỳ-bà-hành/poem-7Jx-9zMDy2CyYi7flk3zRA](http://thivien.net/Bach-Cur-Di/Ty-ba-hanh/poem-7Jx-9zMDy2CyYi7flk3zRA)

[3] **Đoạn trường tân thanh**-Nguyễn Du, câu 1525-1526

[4] **Truyện Trương Chi-Mị Nương**

<https://loigiaihay.com/truong-chi-my-nuong-truyen-co-tich-viet-nam-a186612.html>

[5] Thánh vịnh 69, 22: “Thay vì đồ ăn, chúng trao mật đắng,/ con khát nước, lại cho uống giấm chua.”